



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2013 và cho đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Quang Luyến	Chủ tịch	
Ông Đỗ Xuân Trụ	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2013
Ông Bùi Kỳ Phát	Thành viên	
Bà Phạm Thị Tuyết Lan	Thành Viên	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2013
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Thành Viên	
Bà Mai Thanh Hương	Thành Viên	
Ông Nông Văn Quyết	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2013
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2013

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Kỳ Phát	Tổng Giám đốc
Ông Trương Quang Luyến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Tuyết Lan	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính 2013 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Ngô Thị Minh Luận.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. *Bojux*

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Kỳ Phát

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014



Số: *128* /2014/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20/03/2014, trình bày từ trang 06 đến trang 41 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc không đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc không đưa ra ý kiến:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 31 - Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm 2013, Công ty đã ghi nhận vào chi phí khác trên Báo cáo tài chính số tiền là 11.267.179.524 đồng (là các khoản thu nhập và chi phí còn sót từ các năm 2007 đến 2012 được phát hiện trong quá trình phân tích các tài liệu do các ngân hàng cung cấp liên quan đến vụ việc đối tượng Hoàng Đình Thắng đã lập hồ sơ vay không đúng mục đích, hồ sơ vay giả để chiếm đoạt tiền của Công ty thông qua các giao dịch tại các Ngân hàng) mà không xem xét điều chỉnh vào số dư đầu kỳ của các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính.

Như nêu tại Thuyết minh số 5 - Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong khoản mục phải thu khác bao gồm khoản 85.044.850.301 đồng là khoản phải thu liên quan đến vụ việc của đối tượng Hoàng Đình Thắng (nguyên Phó Giám đốc thường trực Khối Tài chính của Công ty) đã lập hồ sơ vay không đúng mục đích, hồ sơ vay giả để chiếm đoạt tiền của Công ty thông qua các giao dịch tại các ngân hàng từ năm 2007 đến năm 2012. Đối tượng Hoàng Đình Thắng hiện nay đã bị tạm giam để phục vụ công tác điều tra. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty đã nhận được kết luận của cơ quan cảnh sát điều tra về vụ việc và đối tượng Hoàng Đình Thắng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho Công ty. Đối tượng Hoàng Đình Thắng đã bị đề nghị truy tố với tội danh "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tuy nhiên, chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng cho thấy khả năng đền bù số tiền trên của đối tượng Hoàng Đình Thắng. Do đó, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi của khoản phải thu này cũng như ảnh hưởng của khoản này đến các khoản mục liên quan đến Báo cáo tài chính của Công ty.

Ngoài các vấn đề nêu trên, chúng tôi nhận thấy không có vấn đề nào khác ảnh hưởng đến tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính xét trên các khía cạnh trọng yếu.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến không đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc không đưa ra ý kiến”, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.



Nguyễn Thị Phương Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHNKT số 0933-2013-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Phạm Thị Hiền
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHNKT số 2323-2013-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		344.918.353.855	280.762.279.198
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	44.800.526.330	19.178.890.027
Tiền	111		14.800.526.330	19.178.890.027
Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		447.852.226	-
Đầu tư ngắn hạn	121		447.852.226	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		143.788.475.921	126.318.667.237
Phải thu khách hàng	131		51.414.203.143	11.907.334.125
Trả trước cho người bán	132		3.018.029.063	9.308.987.205
Các khoản phải thu khác	135	5	90.263.375.161	105.331.564.002
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(907.131.446)	(229.218.095)
Hàng tồn kho	140	6	154.690.460.453	131.092.286.637
Hàng tồn kho	141		155.488.045.138	133.308.272.458
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(797.584.685)	(2.215.985.821)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.191.038.925	4.172.435.297
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.421.612.811
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	7	-	1.361.306.243
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.191.038.925	389.516.243
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		500.965.284.331	337.523.856.592
Các khoản phải thu dài hạn	210		137.769.869.420	-
Phải thu dài hạn khác	218	8	137.769.869.420	-
Tài sản cố định	220		307.054.241.477	334.971.550.765
Tài sản cố định hữu hình	221	9	61.367.389.230	57.286.809.898
- Nguyên giá	222		125.035.431.761	116.923.141.301
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.668.042.531)	(59.636.331.403)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	-	5.163.691.072
- Nguyên giá	225		-	5.208.542.409
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(44.851.337)
Tài sản cố định vô hình	227	11	6.715.958.973	6.886.202.971
- Nguyên giá	228		7.384.234.750	7.382.112.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(668.275.777)	(495.909.279)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	238.970.893.274	265.634.846.824
Bất động sản đầu tư	240	13	52.901.547.745	-
- Nguyên giá	241		53.467.072.524	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(565.524.779)	-
Tài sản dài hạn khác	260		3.239.625.689	2.552.305.827
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	2.342.340.609	1.970.468.877
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		427.272.727	-
Tài sản dài hạn khác	268	15	470.012.353	581.836.950
TỔNG TÀI SẢN	270		845.883.638.186	618.286.135.790

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

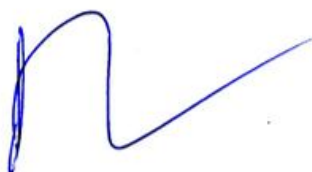
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		735.752.699.598	509.358.043.016
Nợ ngắn hạn	310		181.136.713.004	174.001.531.536
Vay và nợ ngắn hạn	311	16	105.140.893.865	144.118.480.499
Phải trả người bán	312		27.405.367.212	20.604.912.964
Người mua trả tiền trước	313		261.799.796	52.086.706
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	38.537.367.518	11.209.220
Phải trả người lao động	315		4.490.016.092	4.896.040.750
Chi phí phải trả	316		52.596.438	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	4.338.642.713	2.988.590.767
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		910.029.370	1.330.210.630
Nợ dài hạn	330		554.615.986.594	335.356.511.480
Phải trả dài hạn khác	333	19	281.247.653.963	323.504.095.840
Vay và nợ dài hạn	334	20	-	10.311.415.640
Doanh thu chưa thực hiện	338	21	273.368.332.631	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	1.541.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110.130.938.588	108.928.092.774
Vốn chủ sở hữu	410	22	110.100.938.588	108.928.092.774
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		58.961.000.000	58.961.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		17.374.225.455	17.374.225.455
Quỹ đầu tư phát triển	417		12.657.465.867	12.657.465.867
Quỹ dự phòng tài chính	418		5.104.122.710	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.806.130.187	3.010.435.910
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.197.994.369	16.924.965.542
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		30.000.000	-
Nguồn kinh phí	432		30.000.000	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		845.883.638.186	618.286.135.790

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
Ngoại tệ các loại (USD)		3.573,08	11.589,58

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập



Nguyễn Quang Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Luận

Tổng Giám đốc



Bùi Kỳ Phát

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	497.389.874.520	463.619.594.942
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	24	20.929.537.865	19.039.577.557
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		476.460.336.655	444.580.017.385
Giá vốn hàng bán	11	25	355.735.613.509	330.972.180.730
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		120.724.723.146	113.607.836.655
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	698.732.847	5.615.344.365
Chi phí tài chính	22	27	13.309.044.644	18.296.305.797
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.967.403.505</i>	<i>17.921.756.970</i>
Chi phí bán hàng	24	28	65.138.235.070	70.358.608.143
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	14.392.594.503	15.514.826.968
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.583.581.776	15.053.440.112
Thu nhập khác	31	30	2.439.558.424	4.374.236.237
Chi phí khác	32	31	11.522.739.009	376.090.154
Lợi nhuận khác	40		(9.083.180.585)	3.998.146.083
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.500.401.191	19.051.586.195
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	7.729.679.549	3.177.700.649
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(427.272.727)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.197.994.369	15.873.885.546
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	2.069	2.920

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập

Nguyễn Quang Vũ

Kế toán trưởng

Ngô Thị Minh Luận

Tổng Giám đốc

Bùi Kỳ Phát

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		752.555.863.486	450.247.738.666
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(404.606.217.025)	(340.535.884.157)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(39.561.576.090)	(42.355.616.144)
Tiền chi trả lãi vay	4		(13.256.444.409)	(17.921.756.970)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(5.301.201.463)	(902.578.460)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		40.881.248.444	134.092.831.852
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(218.992.116.581)	(115.358.074.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		111.719.556.362	67.266.660.287
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(28.203.352.376)	(116.819.843.220)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		559.550.000	240.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(423.328.752)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(424.647.333.333)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	424.647.333.333
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		399.008.973	5.420.442.949
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.668.122.155)	(111.159.400.271)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	13.578.145.455
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		361.186.176.853	444.616.904.641
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(406.768.179.477)	(398.950.362.298)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(3.706.999.650)	(1.446.525.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.140.795.630)	(9.869.923.422)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(58.429.797.904)	47.928.239.376
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		25.621.636.303	4.035.499.392
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	19.178.890.027	15.151.552.446
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(8.161.811)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	44.800.526.330	19.178.890.027

Người lập



Nguyễn Quang Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Luận

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc 

 Bùi Kỳ Phát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà, tên nước ngoài là Hong Ha Stationery Joint Stock Company, tên viết tắt là HONG HA JSC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Văn phòng phẩm Hồng Hà được thành lập theo Quyết định số 383 CNn/TCLĐ ngày 29/04/1993 và Quyết định số 1014QĐ/TCLĐ ngày 28/07/1995 của Bộ Công nghiệp nhẹ (nay là Bộ Công thương). Công ty Văn phòng phẩm Hồng Hà được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà theo Quyết định số 2721/QĐ-BCN ngày 25/08/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010462 ngày 28/12/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 số 0100100216 ngày 19/07/2013 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 19/07/2013 vốn điều lệ của Công ty là 58.961.000.000 đồng (Năm mươi tám tỷ chín trăm sáu mươi một triệu đồng).

Công ty có trụ sở chính tại 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành Phố Hà Nội và có các Chi nhánh và các địa điểm kinh doanh, địa chỉ như sau:

Tên chi nhánh

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà tại Đà Nẵng – Mã số chi nhánh 0100100216-010

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà Mã số chi nhánh 0100100216-004

Địa chỉ

23-25 đường Yên Thế, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

47 Độc Lập, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên địa điểm kinh doanh

- Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà – Địa điểm 2

- Địa điểm kinh doanh số 12
Mã số địa điểm kinh doanh 00011

- Địa điểm kinh doanh số 13
Mã số địa điểm kinh doanh 00012

- Địa điểm kinh doanh số 14
Mã số địa điểm kinh doanh 00013

- Địa điểm kinh doanh số 15
Mã số địa điểm kinh doanh 00014

- Địa điểm kinh doanh số 06
Mã số địa điểm kinh doanh 00009

- Địa điểm kinh doanh số 03
Mã số địa điểm kinh doanh 00006

- Địa điểm kinh doanh số 09
Mã số địa điểm kinh doanh 00002

Địa chỉ

Số 672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tầng 1 – TTTM Vincom Center Long Biên, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ki ốt 31-32 Ga Yên Viên, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Parkson Land Mark, tòa nhà Keangnam Tower, số 72 đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Parkson Việt Tower, số 198B Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Số 375 Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tầng 3 TTTM Pico Mall, số 229 Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số 22B Hai Bà Trưng, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)

Tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ
- Địa điểm kinh doanh số 11 Mã số địa điểm kinh doanh 00004	Số 123 Đại La, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Địa điểm kinh doanh số 05 Mã số địa điểm kinh doanh 00008	Số 352 Khâm Thiên, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Địa điểm kinh doanh số 07 Mã số địa điểm kinh doanh 00010	Ki ốt 14-15-16-17 B10 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Địa điểm kinh doanh số 04 Mã số địa điểm kinh doanh 00007	Tầng 4 TTTM Vincom Galleries, số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hà Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 444 người (tại 31/12/2012 là 531 người)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh là:

- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết bán lẻ văn phòng phẩm);
 - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
 - Bán buôn chuyên doanh khác;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
 - May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
 - Hoạt động vui chơi giải trí khác;
 - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Vận tải hành khách bằng đường bộ khác;
 - Bán buôn đồ uống;
 - Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
 - Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
 - In ấn;
 - Sản xuất khác;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (chi tiết: xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thành phẩm, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng Công ty; Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.);
 - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác).
- (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2012, ngoại trừ thay đổi chính sách kế toán về theo dõi quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được trình bày tại Thuyết minh số 3.6.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do Công ty đầu tư liên quan đến Dự án số 25 Lý Thường Kiệt, Hà Nội được ghi nhận tạm tăng từng phần tương ứng với diện tích được nhà thầu bàn giao, sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Hiện tại, Công ty đang thực hiện tính khấu hao đối với một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	04 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 06
Phương tiện vận tải	04

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Công ty áp dụng thông tư số 45/2013/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ngày 25/04/2013. Theo đó, Báo cáo tài chính năm 2013, Công ty đã điều chỉnh giảm phần nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng đồng thời ghi nhận giá trị còn lại của các tài sản này vào khoản mục Chi phí trả trước dài hạn và thực hiện phân bổ tối đa không quá 3 năm theo hướng dẫn tại thông tư này. Giá trị còn lại của các tài sản được phân loại lại là 931.801.971 đồng.

3.6 THUÊ TÀI SẢN

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy in Offset 4 màu hiệu Roland Man. Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng đối với các tài sản thuộc sở hữu Công ty hoặc trên thời gian đi thuê.

3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số nhà 23 – 25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và tại số 47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Quyền sử dụng đất Công ty không thực hiện trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính trong thời gian 03 năm.

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê cửa hàng, chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty phân bổ trong vòng hai năm.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng văn phòng phẩm, doanh thu cho thuê nhà và doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.11 NGOẠI TỆ

Trong năm, Công ty áp dụng thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại không được sử dụng để phân chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13 DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Công ty áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo quy định của Thông tư này, Công ty không được trích quỹ và ghi nhận chi phí theo thực tế chi trả.

3.14 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.15 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Giấy Việt Nam, các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Giấy Việt Nam, các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết do Tổng Công ty Giấy Việt Nam đầu tư, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, và các cổ đông lớn khác của Công ty. Tất các thông tin về các Bên liên quan của Công ty được trình bày cụ thể tại Thuyết minh số 37.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	685.022.766	2.189.767.269
Tiền gửi ngân hàng	14.115.503.564	16.989.122.758
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	-
	44.800.526.330	19.178.890.027

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	130.784.460	327.518.367
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	-	13.392.000
Tài sản thiếu chờ xử lý (*)	85.044.850.301	96.312.029.825
Cổ tức 6 tháng đầu năm 2012 đã tạm ứng	-	4.716.880.000
Cổ tức 6 tháng cuối năm 2013 đã tạm ứng	4.716.880.000	-
Thuế GTGT - Tổng Công ty ĐTPT hạ tầng đô thị UDIC	-	3.205.742.364
Thuế GTGT phải thu Công ty cho thuê TC	-	336.999.969
Phải thu khác	370.860.400	419.001.477
	90.263.375.161	105.331.564.002

(*) Đây là số tiền được xác định là do đối tượng Hoàng Đình Thắng (nguyên là Phó giám đốc thường trực Khối tài chính của Công ty) đã lập hồ sơ khống mang tên Công ty vay ngân hàng và thực hiện chiếm đoạt phục vụ cho mục đích cá nhân. Đối tượng Thắng đã bị cơ quan công an bắt tạm giam. Hiện nay, Công ty đã nhận được kết quả của cơ quan công an điều tra, kết luận rằng đối tượng Hoàng Đình Thắng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho Công ty.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	2.827.034.029	-
Nguyên liệu, vật liệu	34.978.677.591	35.555.361.040
Công cụ, dụng cụ	-	243.247.023
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	9.480.397.274	11.367.215.863
Thành phẩm	86.518.867.345	69.846.527.145
Hàng hoá	21.683.068.899	16.295.921.387
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	155.488.045.138	133.308.272.458
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (**)	(797.584.685)	(2.215.985.821)
Giá trị thuần có thể thực hiện hàng tồn kho	154.690.460.453	131.092.286.637

(*) Giá trị nguyên liệu tồn tại xưởng chưa đưa vào sản xuất là 5.649.186.085 đồng.

(**) Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm của Công ty là: 1.418.401.136 đồng. Các trường hợp hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm của Công ty được xác định là do Công ty đã tiến hành thanh lý một số thành phẩm, hàng hóa và vật tư tồn kho kém phẩm chất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.353.402.499
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.903.744
	-	1.361.306.243

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding	137.769.869.420	-
	137.769.869.420	-

(*) Khoản phải thu dài hạn hộ Tổng Công ty Giấy liên quan đến Hợp đồng thuê Văn phòng số 38/2013/HĐ-TVP ngày 8/6/2013 giữa Tổng Công ty Giấy Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding. Theo Hợp đồng này, Tổng Công ty Giấy Việt Nam cho Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Holding thuê tầng 1, 2 và 3 (2.040 m2) tòa nhà Tổng Công ty Giấy tại 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội với tổng giá trị hợp đồng (bao gồm VAT) là 137.769.869.420 đồng, thanh toán làm 3 đợt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2013	54.163.507.596	55.511.105.632	5.129.064.200	2.119.463.873	116.923.141.301
- Mua trong kỳ	-	5.574.768.489	637.542.182	563.542.835	6.775.853.506
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	5.744.939.562	-	-	-	5.744.939.562
- Thanh lý, nhượng bán	-	(921.038.107)	(531.792.018)	-	(1.452.830.125)
- Giảm khác (*)	(112.572.733)	(2.115.208.635)	-	(727.891.115)	(2.955.672.483)
31/12/2013	59.795.874.425	58.049.627.379	5.234.814.364	1.955.115.593	125.035.431.761
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2013	(16.886.051.526)	(36.644.944.885)	(4.324.730.975)	(1.780.604.017)	(59.636.331.403)
- Khấu hao trong kỳ	(2.820.638.449)	(3.992.885.065)	(484.721.929)	(171.494.719)	(7.469.740.162)
- Thanh lý, nhượng bán	-	882.366.504	531.792.018	-	1.414.158.522
- Giảm khác (*)	70.257.755	1.381.764.632	-	571.848.125	2.023.870.512
31/12/2013	(19.636.432.220)	(38.373.698.814)	(4.277.660.886)	(1.380.250.611)	(63.668.042.531)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2013	37.277.456.070	18.866.160.747	804.333.225	338.859.856	57.286.809.898
31/12/2013	40.159.442.205	19.675.928.565	957.153.478	574.864.982	61.367.389.230

(*) Phân loại lại nguyên giá và hao mòn lũy kế đối với những tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

Nguyên giá của của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 32.634.517.599 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2013	5.208.542.409	5.208.542.409
- Thuê tài chính trong năm	129.164.080	129.164.080
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(5.337.706.489)	(5.337.706.489)
31/12/2013	<u>-</u>	<u>-</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2013	(44.851.337)	(44.851.337)
- Khấu hao trong năm	(390.640.680)	(390.640.680)
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	435.492.017	435.492.017
31/12/2013	<u>-</u>	<u>-</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2013	5.163.691.072	5.163.691.072
31/12/2013	<u>-</u>	<u>-</u>

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2013	6.708.372.500	673.739.750	7.382.112.250
- Tặng khác	-	2.122.500	2.122.500
31/12/2013	<u>6.708.372.500</u>	<u>675.862.250</u>	<u>7.384.234.750</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2013	-	(495.909.279)	(495.909.279)
- Khấu hao trong năm	-	(172.366.498)	(172.366.498)
31/12/2013	<u>-</u>	<u>(668.275.777)</u>	<u>(668.275.777)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2013	<u>6.708.372.500</u>	<u>177.830.471</u>	<u>6.886.202.971</u>
31/12/2013	<u>6.708.372.500</u>	<u>7.586.473</u>	<u>6.715.958.973</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản dở dang:	238.970.893.274	265.284.808.966
+ Công trình nhà Cầu Đuống	-	5.612.634.288
+ Nhà 94 Lò Đúc	13.587.000	13.587.000
+ Công trình 25 Lý Thường Kiệt (*)	238.957.306.274	259.658.587.678
- Các công trình khác	-	350.037.858
	<u>238.970.893.274</u>	<u>265.634.846.824</u>

(*) Chi phí xây dựng Công trình Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm tại 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác xây dựng, khai thác và kinh doanh giữa Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà, Tổng Công ty Giấy Việt Nam và Công ty CP Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building và Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Holding (Chi tiết xem tại thuyết minh số 19). Công trình được xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 31/GPXD ngày 16/03/2011 của Sở xây dựng thành phố Hà Nội. Tổng diện tích đất 3.173,6 m² đất được sử dụng theo Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 09/02/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh nội dung điều 1 tại Quyết định số 5106/QĐ-UBND ngày 24/12/2007; Hợp đồng thuê đất số 214-08/HĐTĐTN ngày 12/05/2008; Phụ lục hợp đồng thuê đất số 33/PLHĐTĐ ngày 24/02/2011.

Năm 2013, Công ty đã hạch toán tạm tăng nguyên giá tài sản cố định đối với một phần diện tích đã được nhà thầu bàn giao, đưa vào sử dụng.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2013	-	-
- Đầu tư XD CB hoàn thành (*)	53.467.072.524	53.467.072.524
31/12/2013	<u>53.467.072.524</u>	<u>53.467.072.524</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2013	-	-
- Khấu hao tăng trong năm (*)	(565.524.779)	(565.524.779)
31/12/2013	<u>(565.524.779)</u>	<u>(565.524.779)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2013	-	-
31/12/2013	<u>52.901.547.745</u>	<u>52.901.547.745</u>

(*) Bao gồm Nguyên giá và khấu hao tương ứng phần diện tích tại Công trình 25 Lý Thường Kiệt mà Công ty đã cho thuê trong năm 2013 lần lượt là 50.378.579.131 đồng và 565.524.779 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí thuê cửa hàng	597.667.820	628.893.333
Chi phí khuôn mẫu nhà máy nhựa, lắp ráp, kim loại	68.014.200	315.584.000
Chi phí sửa chữa	-	57.492.650
Chi phí lắp đặt showroom	805.975.409	345.278.725
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	353.046.352	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	517.636.828	623.220.169
	2.342.340.609	1.970.468.877

15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	470.012.353	581.836.950
	470.012.353	581.836.950

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	95.005.893.865	136.539.480.499
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1)	76.640.635.867	84.622.941.630
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	15.334.203.098
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	-	20.045.823.748
Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Đông Đô	-	10.793.781.415
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	-	5.742.730.608
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên (2)	18.365.257.998	-
Vay ngắn hạn cá nhân (3)	10.135.000.000	7.579.000.000
	105.140.893.865	144.118.480.499

(1) Các khoản vay Ngân hàng ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương, với lãi suất từ 7% - 10%/năm, thời hạn vay 6 tháng.

(2) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Long Biên với lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 6 tháng.

(3) Các khoản huy động vốn cán bộ công nhân viên trong Công ty, với thời hạn dưới một năm, lãi suất áp dụng từ 9% đến 13,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT (*)	37.432.217.624	-
Thuế xuất, nhập khẩu	4.564.812	11.081.808
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.089.873.587	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.040.682	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.670.813	127.412
	38.537.367.518	11.209.220

(*) Trong đó bao gồm:

- Thuế GTGT tương ứng doanh thu cho thuê văn phòng của Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building: 21.414.221.213 đồng;
- Thuế GTGT tương ứng doanh thu cho thuê văn phòng mà Công ty xuất hóa đơn cho Tổng Công ty Giấy Việt Nam với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding: 12.524.533.584 đồng.

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	192.785.669	467.473.539
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.145.857.044	2.402.117.228
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	119.000.000
	4.338.642.713	2.988.590.767

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tổng Công ty Giấy Việt Nam (*)(**)	128.245.335.836	3.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building (**)	42.727.272.727	210.229.050.440
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding (**)	110.275.045.400	110.275.045.400
	281.247.653.963	323.504.095.840

(*) Bao gồm 125.245.335.836 đồng là khoản phải trả Tổng Công ty Giấy Việt Nam liên quan đến khoản doanh thu Công ty đã xuất hóa đơn hộ Tổng Công ty Giấy của Hợp đồng thuê Văn phòng số 38/2013/HĐ-TVP ngày 8/6/2013 giữa Tổng Công ty Giấy Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding (như trình bày tại Thuyết minh số 8 và mục thuyết minh dưới đây).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC (TIẾP)

(**) Đây là các khoản góp vốn liên quan đến công trình xây dựng Dự án Trung tâm thương mại và Giới thiệu sản phẩm tại 25 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội (trình bày tại Thuyết minh số 12). Theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa một bên là Công ty CP Văn Phòng Phẩm Hồng Hà và Tổng Công ty Giấy Việt Nam với các bên là Công ty CP Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building và Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Holding, cụ thể như sau:

- **Hợp đồng số 18/2008/HĐHTĐTKD ngày 30/05/2008** ký giữa Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà và Công ty CP Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building: Công ty Thuận An Building góp vốn đầu tư xây dựng phần diện tích công trình để khai thác kinh doanh tạm tính là 3.932 m2 các sàn tầng 3, tầng 4, tầng 5 và tầng 6 (mỗi sàn 983 m2) tại tòa nhà văn phòng và giới thiệu sản phẩm nằm tại vị trí góc đường Lý Thường Kiệt và Ngô Quyền. Tiến độ góp vốn được chia làm 5 lần, lần đầu ngay sau ký hợp đồng này và lần thứ 5 khi Chủ đầu tư hoàn thành lắp đặt thiết bị nội ngoại thất công trình dự án có biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao. Phần diện tích chính xác sẽ được các bên xác định tại thời điểm bàn giao mặt bằng. Theo Điều khoản Quyền và nghĩa vụ của các bên nêu trong Hợp đồng thì:

+ Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà được nhận khoản tiền thanh toán từ việc góp vốn đầu tư đồng thời có trách nhiệm đảm bảo cho Công ty CP Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building được toàn quyền điều hành hoạt động quản lý, khai thác, kinh doanh và định đoạt trong thời hạn 50 năm đối với phần diện tích công trình dự án do Công ty này đầu tư góp vốn.

+ Công ty CP Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ số tiền góp vốn đầu tư; được quyền điều hành hoạt động quản lý, khai thác, kinh doanh và định đoạt trong thời hạn 50 năm đối với phần diện tích công trình dự án do Công ty này góp vốn; được hưởng toàn bộ lợi nhuận phát sinh từ việc khai thác và kinh doanh phần công trình dự án đầu tư.

Đến ngày 08/06/2013, Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà đã ký hợp đồng cho Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Building thuê văn phòng trong 45 năm đối với diện tích 3.745,7 m2 các tầng 3,4,5 và 6 Đơn nguyên 1 Tòa nhà Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm tại 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tổng số tiền thuê là 214.142.212.127 đồng.

- **Hợp đồng số 18/2009/HĐHTĐTKD ngày 27/03/2009** ký giữa Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà, Tổng Công ty Giấy Việt Nam (bên A) và Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Holding (bên B): Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Holding góp vốn đầu tư xây dựng phần diện tích công trình để khai thác kinh doanh tổng diện tích tạm tính 2.040,17 m2 bao gồm 3 tầng sàn (tầng 1, tầng 2 và tầng 3) tại tòa nhà văn phòng và giới thiệu sản phẩm nằm tại vị trí mặt đường Ngô Quyền. Tiến độ góp vốn được chia làm 4 lần, lần đầu ngay sau ký hợp đồng này và lần thứ 4 khi Chủ đầu tư hoàn thành lắp đặt thiết bị nội ngoại thất công trình dự án có biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao. Phần diện tích chính xác sẽ được các bên xác định tại thời điểm bàn giao mặt bằng. Theo Điều khoản Quyền và nghĩa vụ của các bên nêu trong Hợp đồng thì:

+ Bên A được nhận khoản tiền góp vốn hợp tác đầu tư kinh doanh đồng thời có trách nhiệm đảm bảo cho Bên B được toàn quyền điều hành hoạt động quản lý, khai thác, kinh doanh và định đoạt trong thời hạn 50 năm đối với phần diện tích công trình dự án đã đầu tư góp vốn. Ngoài ra, sau khi hoàn thành và bàn giao công trình, bên A có trách nhiệm ký Hợp đồng cho thuê Văn phòng đối với phần diện tích sử dụng mà bên B đã đầu tư góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC (TIẾP)

+ Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ tổng chi phí đầu tư cho Bên A đồng thời được toàn quyền điều hành hoạt động quản lý, khai thác, kinh doanh và định đoạt trong thời hạn 50 năm đối với phần diện tích công trình đã góp vốn, hưởng toàn bộ lợi nhuận phát sinh từ việc khai thác và kinh doanh phần công trình dự án do bên này góp vốn.

Đến ngày 08/06/2013, Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà và Tổng Công ty Giấy Việt Nam đã ký hợp đồng cho Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Holding thuê văn phòng trong 45 năm đối với diện tích 2040 m² các tầng 1,2,3 Đơn nguyên 2 Tòa nhà Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm tại 25A Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tổng số tiền thuê là 137.769.869.420 đồng.

- *Hợp đồng số 18/2009/HĐHTKD ngày 21/07/2009* ký giữa Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà, Tổng Công ty Giấy Việt Nam và Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Building: Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Building góp vốn đầu tư xây dựng phần tầng quy mô chiều cao của tòa nhà từ 9 tầng lên 13 tầng để khai thác kinh doanh tổng diện tích kinh doanh tạm tính 1.788,8m² bao gồm 2 tầng sàn (tầng 4 và tầng 5) tại tòa nhà Văn phòng và giới thiệu sản phẩm nằm tại vị trí mặt đường Ngô Quyền và tổng diện tích kinh doanh tạm tính 1.484,4m² bao gồm 2 tầng sàn (tầng 7 và tầng 8) tại tòa nhà Văn phòng và giới thiệu sản phẩm nằm tại vị trí góc đường Lý Thường Kiệt và Ngô Quyền. Tiến độ góp vốn được chia làm 4 lần, lần đầu ngay sau hoàn thành giai đoạn xin cấp điều chỉnh Giấy phép xây dựng và lần thứ 4 khi Chủ đầu tư hoàn thành công việc xây dựng. Phần diện tích chính xác sẽ được các bên xác định tại thời điểm bàn giao mặt bằng. Theo Điều khoản về "Phân chia quyền lợi" sau khi công trình hoàn thành và bàn giao đưa vào khai thác thì:

+ Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Building sẽ được quản lý, sử dụng, khai thác và kinh doanh 50% toàn bộ diện tích công trình dự án tăng thêm;

+ Tổng Công ty Giấy Việt Nam được sử dụng khai thác 50% toàn bộ phần diện tích tăng thêm của Tòa nhà Văn phòng và giới thiệu sản phẩm nằm tại vị trí mặt đường Ngô Quyền (do Tổng Công ty Giấy Việt Nam được quyền sử dụng và khai thác) trong suốt thời hạn của dự án đã được phê duyệt;

+ Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà được sử dụng khai thác 50% toàn bộ diện tích tăng thêm của Tòa nhà văn phòng và giới thiệu sản phẩm nằm ở góc đường Lý Thường Kiệt và đường Ngô Quyền (do Công ty được quyền sử dụng và khai thác) trong suốt thời hạn của dự án đã được phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	-	6.604.415.990
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (1)</i>	-	4.192.769.139
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương</i>	-	2.411.646.851
Nợ dài hạn	-	3.706.999.650
<i>Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (2)</i>	-	3.706.999.650
	-	10.311.415.640

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng số 01/10/TH/VND/VCB.TX-VPP HH ký ngày 02/03/2012, thời hạn vay 60 tháng với lãi suất 12,6%-14,9%/năm. Ngày 16/9/2013, Công ty đã tắt toán khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân.

(2) Khoản nợ thuê tài chính máy in Offset 4 màu nhập khẩu từ Đức, hiệu: Roland 704+L theo hợp đồng thuê tài chính số 56/2012/TSC-CTTC ngày 27/09/2012 và văn bản điều chỉnh bổ sung hợp đồng số 01-56/2012/TSC-CTTC ngày 13/11/2012. Thời gian thuê: 48 tháng từ ngày 30/10/2012 đến ngày 30/10/2016. Lãi suất cho thuê được xác định bằng chi phí huy động vốn thực tế của Công ty cho thuê tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng 4% nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay trung hạn của NHTMCP Công thương Việt Nam quy định trong từng thời kỳ. Tổng giá trị tài sản thuê bao gồm thuế GTGT là 5.153.524.650 đồng. Ngày 18/9/2013, Công ty đã tắt toán khoản nợ thuê tài chính này.

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện (*)	273.368.332.631	-
	273.368.332.631	-

Khoản doanh thu cho thuê văn phòng tại tòa nhà 25 Lý Thường Kiệt của Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thuê văn phòng số 38/2013/HĐ-TVP ký ngày 08/06/2013 với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building: Khu vực thuê: Tầng 3,4,5 và 6 (3.745,7 m2); Thời gian thuê: từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến ngày 8/7/2057; Tổng tiền thuê chưa thuế VAT: 214.142.212.127 đồng.
- Hợp đồng cho thuê văn phòng số 18/2013/HĐ-TVP ký ngày 6/11/2013 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam: Khu vực thuê: Tầng 1 và Tầng 2 (584m2); Thời gian thuê: từ ngày 10/11/2013 đến ngày 8/7/2057; Tổng tiền thuê chưa VAT: 61.612.000.000 đồng.
- Hợp đồng cho thuê văn phòng số 01/2013/HĐ-TVP ký ngày 6/5/2013 với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại và Phát triển A&T: Khu vực thuê: Tầng 2 (448,2m2); Thời gian thuê: 5 năm từ ngày 01/12/2013; Tổng tiền thuê chưa VAT: 903.571.200 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu <u>VND</u>	Thặng dư vốn cổ phần <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
01/01/2012	47.190.000.000	15.607.080.000	16.749.278	10.619.018.249	-	2.330.953.371	13.589.650.787	89.353.451.685
- Tăng vốn trong năm trước	11.771.000.000	1.887.600.000	-	-	-	-	-	13.658.600.000
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	15.873.885.546	15.873.885.546
- Tăng khác	-	-	6.040.941	-	-	-	40.000.000	46.040.941
- Trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế (1)	-	-	-	2.038.447.618	-	679.482.539	(5.028.170.791)	(2.310.240.634)
- Chi trả cổ tức (1)	-	-	-	-	-	-	(7.550.400.000)	(7.550.400.000)
- Giảm khác	-	(120.454.545)	(22.790.219)	-	-	-	-	(143.244.764)
31/12/2012	58.961.000.000	17.374.225.455	-	12.657.465.867	-	3.010.435.910	16.924.965.542	108.928.092.774
01/01/2013	58.961.000.000	17.374.225.455	-	12.657.465.867	-	3.010.435.910	16.924.965.542	108.928.092.774
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	12.197.994.369	12.197.994.369
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế (2)	-	-	-	-	5.104.122.710	795.694.277	(7.491.205.542)	(1.591.388.555)
- Chi trả cổ tức (2)	-	-	-	-	-	-	(9.433.760.000)	(9.433.760.000)
31/12/2013	58.961.000.000	17.374.225.455	-	12.657.465.867	5.104.122.710	3.806.130.187	12.197.994.369	110.100.938.588

(1) Khoản phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 01/2012/NQ-ĐHCD ngày 28/04/2012.

(2) Khoản phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/2013/NQ-ĐHCD ngày 29/04/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn góp của Tổng Công ty Giấy Việt Nam	24.500.850.000	24.500.850.000
Vốn góp của các cổ đông khác	34.460.150.000	34.460.150.000
	58.961.000.000	58.961.000.000

22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58.961.000.000	58.961.000.000
+ Vốn góp đầu năm	58.961.000.000	47.190.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	11.771.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	58.961.000.000	58.961.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.433.760.000	7.550.400.000

22.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2013	01/01/2013
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	5.896.100	5.896.100
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	5.896.100	5.896.100
+ Cổ phiếu thường	5.896.100	5.896.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.896.100	5.896.100
+ Cổ phiếu thường	5.896.100	5.896.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.5 CÁC QUỸ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.657.465.867	12.657.465.867
Quỹ dự phòng tài chính	5.104.122.710	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.806.130.187	3.010.435.910
	<u>21.567.718.764</u>	<u>15.667.901.777</u>

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	492.289.018.198	461.134.176.770
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.100.856.322	2.485.418.172
	<u>497.389.874.520</u>	<u>463.619.594.942</u>

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	20.122.913.019	18.713.831.187
Hàng bán bị trả lại	806.624.846	325.746.370
	<u>20.929.537.865</u>	<u>19.039.577.557</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	355.735.613.509	330.972.180.730
	<u>355.735.613.509</u>	<u>330.972.180.730</u>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	684.994.074	5.613.487.385
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.738.773	1.856.980
	<u>698.732.847</u>	<u>5.615.344.365</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.967.403.505	17.921.756.970
Lãi nhận ký quỹ, ký cược	341.641.139	355.556.020
Chi phí tài chính khác	-	18.992.807
	13.309.044.644	18.296.305.797

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	10.481.538.955	12.195.155.894
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	136.645.568	119.083.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	950.535.364	1.106.165.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.101.099.896	10.348.091.107
Chi phí bằng tiền khác	42.468.415.287	46.590.112.444
	65.138.235.070	70.358.608.143

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.713.854.023	8.064.370.782
Chi phí đồ dùng văn phòng	141.286.732	83.538.153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.542.809.069	2.066.891.448
Thuế, phí, lệ phí	236.949.336	672.729.958
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(6.542.250)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.950.817.673	874.213.541
Chi phí bằng tiền khác	3.806.877.670	3.759.625.336
	14.392.594.503	15.514.826.968

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu tiền nhượng bán thanh lý tài sản cố định	589.606.092	253.636.364
Nhận hỗ trợ đền bù Công trình 25 Lý Thường Kiệt từ Ngân hàng Công thương	-	1.094.587.529
Điều chỉnh giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010 theo biên bản thanh tra	-	2.506.800.942
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	1.541.000.000	-
Điều chỉnh vật tư thừa khi kiểm kê	139.092.204	484.129.128
Thu nhập khác	169.860.128	35.082.274
	2.439.558.424	4.374.236.237

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thanh lý tài sản cố định	44.212.627	-
Chi phí giai đoạn 2007-2012 (*)	11.267.179.524	-
Điều chỉnh vật tư thiếu khi kiểm kê	146.081.498	264.675.729
Chi phí khác	65.265.360	111.414.425
	11.522.739.009	376.090.154

(*) Đây là các khoản thu nhập và chi phí còn sót từ các năm 2007 đến 2012 được phát hiện trong quá trình phân tích các tài liệu do các ngân hàng cung cấp liên quan đến vụ việc của đối tượng Hoàng Đình Thắng (trình bày tại Thuyết minh số 5). Việc điều chỉnh vào đầu kỳ là tương đối phức tạp do đó Công ty ghi nhận vào chi phí năm 2013. Chi tiết phát sinh chi phí cho từng năm như sau:

	Lãi tiền gửi ngân hàng VND	Chi phí lãi vay VND	Chi phí quản lý doanh nghiệp VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tổng Cộng VND
Năm 2007	(11.247.581)	(834.005.483)	92.248.682	12.895.133	(740.109.249)
Năm 2008	(25.576.431)	(375.421.071)	212.052.871	168.010.662	(20.933.969)
Năm 2009	(42.246.664)	744.151.371	258.001.367	187.573.717	1.147.479.791
Năm 2010	(602.734.176)	425.096.773	15.835.024	639.583.159	477.780.780
Năm 2011	(146.559.792)	4.551.484.404	166.409.316	278.313.565	4.849.647.493
Năm 2012	(25.014.374)	5.236.504.323	376.126.654	(34.301.925)	5.553.314.678
	(853.379.018)	9.747.810.318	1.120.673.914	1.252.074.310	11.267.179.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.500.401.191	19.051.586.195
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.651.077.578	4.939.338.589
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	(2.506.800.943)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	21.151.478.769	21.484.123.841
Trong đó:		
- Thu nhập chịu thuế trong năm tính thuế	19.610.478.769	21.484.123.841
<i>Thuế suất</i>	25%	25%
- Hoàn nhập quỹ nghiên cứu khoa học công nghệ trích từ năm 2010	1.541.000.000	-
<i>Thuế suất (25% x 50%)</i>	12,5%	0%
Lợi nhuận bổ sung năm 2011	-	40.000.000
<i>Thuế suất</i>	-	25%
Thu nhập từ khoản nhận tiền góp vốn Hợp tác đầu tư của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thuận An Building tại ngày 31/12/2013	42.727.272.727	-
<i>Thuế suất</i>	1%	0%
Thuế TNDN phải trả ước tính	5.522.517.419	5.381.030.960
Thuế TNDN được miễn giảm theo Biên bản thanh tra thuế ngày 03/08/2011	-	2.203.330.311
Thuế TNDN năm 2012 hạch toán thiếu	2.203.330.311	-
Thuế TNDN phải nộp theo Thông báo của Cục thuế Hà Nội ngày 15/08/2013	3.831.819	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.729.679.549	3.177.700.649

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tạm tính tương ứng 1% khoản tiền Công ty nhận vốn góp của Công ty CP Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building tại ngày 31/12/2013 (theo Hợp đồng số 18/2009/HĐHTĐTKD ngày 21/07/2009).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân công	37.384.610.462	37.794.821.948
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	178.702.309.586	175.097.494.213
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.090.237.734	9.085.456.437
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.263.490.555	13.008.499.662
Chi phí khác bằng tiền	55.095.474.375	58.343.408.849
	294.536.122.712	293.329.681.109

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

35.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.197.994.369	15.873.885.546
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	5.896.100	5.436.620
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.069	2.920

35.2 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	5.896.100	4.719.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	-	1.177.100
Phát hành ngày		
Ngày 09/05/2012	-	943.800
Ngày 16/07/2012	-	233.300
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	5.896.100	5.436.620

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.15.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.800.526.330	19.178.890.027
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	447.852.226	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	50.877.932.097	15.653.251.840
	96.126.310.653	34.832.141.867
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	105.140.893.865	154.429.896.139
Phải trả người bán	27.405.367.212	20.604.912.964
Chi phí phải trả	52.596.438	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	119.000.000
	132.598.857.515	175.153.809.103
Trạng thái ròng	(36.472.546.862)	(140.321.667.236)

Tại ngày 31/12/2013, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ là đồng Đô la Mỹ (USD) do đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá. Rủi ro tỷ giá của Công ty đối với USD như bảng dưới đây:

	31/12/2013		01/01/2013	
	USD	VND tương đương	USD	VND tương đương
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng	3.573,08	75.338.392	11.589,58	241.700.691
	3.573,08	75.338.392	11.589,58	241.700.691
Nợ phải trả tài chính				
	-	-	-	-
Giá trị ròng	3.573,08	75.338.392	11.589,58	241.700.691

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết với Công ty cho thuê tài chính và các Ngân hàng thương mại. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì tỷ lệ dư nợ vay hợp lý.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Vay và nợ ngắn/dài hạn	105.140.893.865	-	105.140.893.865
Phải trả người bán	27.405.367.212	-	27.405.367.212
Chi phí phải trả	52.596.438	-	52.596.438
	132.598.857.515	-	132.598.857.515
01/01/2013			
Vay và nợ ngắn/dài hạn	144.118.480.499	10.311.415.640	154.429.896.139
Phải trả người bán	20.604.912.964	-	20.604.912.964
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	119.000.000	-	119.000.000
	164.842.393.463	10.311.415.640	175.153.809.103

Công ty không tồn tại khoản nợ phải trả tài chính nào quá hạn thanh toán tính từ ngày đáo hạn theo hợp đồng đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.800.526.330	30.000.000.000	44.800.526.330
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	447.852.226	447.852.226
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	50.877.932.097	50.877.932.097
	14.800.526.330	81.325.784.323	96.126.310.653
01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.178.890.027	-	19.178.890.027
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	15.653.251.840	15.653.251.840
	19.178.890.027	15.653.251.840	34.832.141.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản phải thu, Ban Tổng Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng.

Riêng khoản phải thu ngắn hạn khác, tồn tại số dư phải thu liên quan đến vụ việc đối tượng Hoàng Đình Thắng (nguyên là Phó giám đốc thường trực Khối tài chính của Công ty) đã lập hồ sơ khống mang tên Công ty vay ngân hàng và thực hiện chiếm đoạt phục vụ cho mục đích cá nhân, với số tiền: 85.044.850.301 đồng. Đối tượng Hoàng Đình Thắng hiện nay đã bị tạm giam để phục vụ công tác điều tra. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty đã nhận được kết luận của cơ quan cảnh sát điều tra về vụ việc và đối tượng Hoàng Đình Thắng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho Công ty. Đối tượng Hoàng Đình Thắng đã bị đề nghị truy tố với tội danh "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là cao.

	Tổng cộng (Giá trị ghi sổ)	Không quá hạn	Quá hạn
	VND	VND	VND
		Không bị suy giảm giá trị	Bị suy giảm giá trị
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.800.526.330	44.800.526.330	-
Các khoản đầu tư tài chính	447.852.226	447.852.226	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	51.785.063.543	50.877.932.097	907.131.446
	97.033.442.099	96.126.310.653	907.131.446
01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.178.890.027	19.178.890.027	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	15.882.469.935	15.653.251.840	229.218.095
	35.061.359.962	34.832.141.867	229.218.095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính được xác định là có suy giảm giá trị và dự phòng giảm giá trị liên quan chi tiết như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.800.526.330	-	44.800.526.330
Các khoản đầu tư tài chính	447.852.226	-	447.852.226
Các khoản phải thu ngắn hạn	51.785.063.543	(907.131.446)	50.877.932.097
	97.033.442.099	(907.131.446)	96.126.310.653
01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.178.890.027	-	19.178.890.027
Các khoản phải thu ngắn hạn	15.882.469.935	(229.218.095)	15.653.251.840
	35.061.359.962	(229.218.095)	34.832.141.867

37. THÔNG TIN KHÁC

37.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các Bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm 2013:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Giấy Việt Nam	Công ty liên kết
2	Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	Công ty liên kết của Tổng Công ty Giấy Việt Nam
3	Công ty Cổ phần In Phúc Yên	Công ty liên kết của Tổng Công ty Giấy Việt Nam
4	Công ty Giấy Tissue Cầu Đuống	Đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty Giấy Việt Nam
5	Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì	Công ty liên kết của Tổng Công ty Giấy Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

37.1 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với bên liên quan sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu với các bên liên quan	2.996.127.278	4.806.244.809
- Chi nhánh - Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	210.340.100	64.263.828
- Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	36.633.810	93.406.101
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam	134.990.455	189.683.750
- Công ty Cổ phần Giấy Tân Mai - CN tại Hà Nội	-	1.036.200.000
- Công ty Cổ phần in Phúc Yên	2.574.336.641	3.422.691.130
- Công ty Giấy Tissue Cầu Đuống	39.826.273	-
Mua hàng từ các bên liên quan	59.520.596.339	60.321.569.378
- Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì	2.043.667.752	-
- Chi nhánh - Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	38.341.606.000	56.891.488.068
- Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	10.387.347.245	3.430.081.310
- Công ty Giấy Tissue Cầu Đuống	213.802.090	-
- Công ty Cổ phần In Phúc Yên	8.534.173.252	-
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	1.751.860.747	2.383.894.968
- Lương và phụ cấp	1.751.860.747	2.383.894.968

Số dư với bên liên quan tại ngày 31/12/2013 như sau:

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản phải thu	-	13.392.000
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam	-	13.392.000
Các khoản phải trả ngắn hạn	12.832.748.527	7.232.068.403
- Chi nhánh - Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	11.732.577.587	6.708.415.767
- Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	1.016.048.314	523.652.636
- Công ty Giấy Tissue Cầu Đuống	33.292.000	-
- Công ty Cổ phần In Phúc Yên	50.830.626	-
Các khoản phải trả dài hạn		
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam	128.245.335.836	3.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

37.2. HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Công ty đang có các hợp đồng thuê đất kinh doanh như sau:

- (1) Hợp đồng thuê số 55 - 2006/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 19/05/2006 ký với bên cho thuê là Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất, và phụ lục hợp đồng số 181/PLHĐTĐ ngày 11/11/2011. Theo đó, Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được thuê một khoảnh đất tại số 672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội, với diện tích là 61.547m² (trong đó 50.712m² đất đã xây dựng công trình và 10.835m² đất để mở đường theo quy hoạch), thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 13/02/2006, số tiền thuê đất được thanh toán hàng năm theo thông báo của Chi Cục thuế quận Long Biên, Hà Nội, tiền thuê đất được thay đổi khi Nhà nước hoặc UBND thành phố Hà Nội có quyết định thay đổi khung giá đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- (2) Hợp đồng thuê số 19-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 31/01/2000 với bên cho thuê là Sở Địa chính – Nhà đất Hà Nội với Công ty Văn phòng phẩm Hồng Hà (nay là Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà) và hợp đồng số 214-08/ HĐTĐTN ngày 12/05/2008 ký với Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và phụ lục hợp đồng số 33/PLHĐTĐ ngày 24/02/2011. Theo đó, Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được thuê 3.194 m² đất tại 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Mục đích thuê để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng mới Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm, thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 09/07/2007. Tiền thuê đất được trả hàng năm nộp tại Chi Cục thuế quận Hoàn Kiếm.

37.3. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập

Nguyễn Quang Vũ

Kế toán trưởng

Ngô Thị Minh Luận

Tổng Giám đốc

Bùi Kỳ Phát

UHY **CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**
Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

Trụ sở chính:
Tầng 9 tòa nhà HL,
Ngõ 82 đường Duy Tân, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +844 3755 7446
Fax : +844 3755 7448
Thành viên hãng UHY Quốc Tế

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
46 phố Trương Quyền,
phường 6, quận 3,
TP . HCM, Việt Nam
Điện thoại: +848 38204 899
Fax : +848.38204 909
www.uhyvietnam.com.vn